

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2022

V/v Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp
nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Mỹ Linh;
2. Ông Hồ Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Thái Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc " *Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Hậu G, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ A, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt;

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 15 tháng 6 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Hậu G trình bày:

Ông G và bà Nguyễn Thị Kim D có một con chung tên Nguyễn Thị Quế T, sinh ngày 07/5/2017.

Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 84/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thì bà D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Quế T, sinh ngày

07/5/2017. Ông G không cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu.

Tuy nhiên, từ khi ly hôn đến nay bà D không trực tiếp nuôi con mà gửi cháu Quế T cho vợ chồng người chị thứ ba tên Nguyễn Thị Đ và Huỳnh Văm M nuôi, không cho Quế T đi học và mỗi lần ông G đến thăm con thì không gặp được con.

Từ những lý do trên ông G yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn quyết định thay đổi cho ông là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Quế T.

Trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim D có lời trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Văn Hậu G trong thời kỳ hôn nhân có một con chung tên Nguyễn Thị Quế T, sinh ngày 07/5/2017. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 84/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thì bà được nuôi con chung là Nguyễn Thị Quế T, anh Nguyễn Văn Hậu G không phải cấp dưỡng nuôi con do bà không có yêu cầu.

Từ khi ly hôn ông G chỉ đến thăm con được 2 - 3 lần, mỗi lần đến thăm thì không có ai ngăn cản, hoặc gây khó khăn gì đến việc thăm con của ông G.

Do bà phải đi làm công nhân tại Khu công nghiệp B, huyện C, tỉnh An Giang nên phải nhờ chị bà và anh rể nuôi dưỡng, nhưng bà bảo đảm các điều kiện để con có một cuộc sống ổn định.

Bà D không đồng ý theo yêu cầu thay đổi người nuôi con của ông Nguyễn Văn Hậu G.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Văn Hậu G và bà Nguyễn Thị Kim D có một con chung là Nguyễn Thị Quế T, sinh ngày 07/5/2017. Từ khi ly hôn, con chung do bà D nuôi dưỡng nhưng do điều kiện đi làm công nhân nên có nhờ anh chị là ông Huỳnh Văn M1, bà Nguyễn Thị Đ nuôi dưỡng cháu, hàng tuần bà D đều về thăm và mua sữa cho cháu Quế T, gửi chi phí nuôi dưỡng cho ông M1 là 2.000.000 đồng/tháng. Đồng thời, cháu Quế T cũng được đi học ở trường gần nhà, khi đi học có người

đưa đón nên việc học tập và sinh sống luôn đảm bảo.

Đối với ông Nguyễn Văn Hậu G thì đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, thuê nhà trọ sinh sống, mỗi năm chỉ về quê 02-03 lần vào dịp lễ, tết. Hơn nữa, từ khi ly hôn đến nay ông G chỉ về thăm con được 03-04 lần nhưng không gặp được con do cháu đi học chứ không có ai ngăn cản hay gây khó khăn gì, đồng thời ông G cũng chưa một lần liên hệ với bà D hay ông M2 để hỏi thăm cuộc sống của cháu T.

Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường, không làm ảnh hưởng đến đời sống tâm sinh lý cũng như môi trường sống của cháu Quế T. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin thay đổi quyền nuôi con của ông G và giao cháu Quế T cho bà D tiếp tục nuôi dạy là có căn cứ.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Hậu G và bà Nguyễn Thị Kim D vẫn giữ nguyên ý kiến, các đương sự không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã N, huyện T và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án huyện T thụ lý và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, ông G cho rằng sau khi ly hôn bà D được quyền nuôi con Nguyễn Thị Quế T, nhưng ông cho rằng bà D không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con mà phải gửi con cho người khác nuôi nên ông yêu cầu thay đổi người nuôi con. Còn bà D thì cho rằng bà phải đi làm để kiếm tiền nuôi con nên phải gửi con cho anh, chị nuôi dưỡng nhưng thu nhập của bà ổn định đảm bảo điều kiện chăm sóc cho cháu Quế T, cụ thể hàng tuần bà vẫn về chăm sóc cho con. Qua xác minh ông Huỳnh Văn M1 (chồng bà Đ) là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quế T thì mỗi tuần bà D đều về thăm, mua sữa và gửi chi phí để ông nuôi dưỡng cháu Quế T, cháu được đi học và có người đưa, rước bình thường. Trái lại, ông Nguyễn Văn Hậu G thì đi làm công nhân ở Bình Dương, thuê nhà trọ sinh sống, chỉ về quê trong các dịp lễ, tết. Mặc khác, ông G yêu cầu thay đổi người nuôi con, nhưng ông cũng không trực tiếp nuôi mà giao cho mẹ và chị ông nuôi cháu. Trong khi, từ lúc ly hôn tháng 5/2019 đến nay đã hơn 03 năm ông G chưa một lần gặp mặt, thăm hỏi cháu. Do đó, xét toàn diện về điều kiện nuôi con giữa bà D và ông G thì thấy rằng ông Nguyễn Văn Hậu G không

đảm bảo điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con so với bà D. Do đó, để không làm ảnh hưởng đến đời sống tâm sinh lý, môi trường sinh sống, học tập và sự phát triển bình thường của cháu Quế T, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu cho bà Nguyễn Thị Kim D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về án phí: Do yêu cầu không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Hậu G phải chịu án phí không có giá ngạch. Bà Nguyễn Thị Kim D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Hậu G về việc “*Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” đối với bà Nguyễn Thị Kim D.

Bà Nguyễn Thị Kim D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Quế T, sinh ngày 07/5/2017. Ông Nguyễn Văn Hậu G được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: ông Nguyễn Văn Hậu G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị Kim D không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

